

SỐ 1727

# QUÁN ÂM HUYỀN NGHĨA KÝ

*Sa-môn Tri Lễ Tử minh ở Đồi Tống soạn*

## QUYỂN 1

Tri Lễ cúi đầu nhớ lại, lúc còn trẻ ưa thích học hỏi tìm đến dấu vết Bảo Vân, gặp giáo thọ pháp sư giảng giải phẩm này, thần căn đã chậm chạp liền nhiều lần hỏi han nghi ngờ. Tiên sư niệm tình tôi siêng năng học hỏi, không từ chối nêu ra. Cho nên các nghĩa được nghe ghi sơ lược trong lòng. Các vị cùng nghe xưa kia nay đều già yếu, thật là đáng lo kiến thức tiên nhân mai một! Mà cùng nhau tài hèn rỗng sức, sao chép nghĩa kia để lại nơi đời cho kẻ hậu học, e rằng sự hiểu biết tối tăm, ghi truyền tông chỉ Viên giáo có chỗ lầm lạc, kính mong các vị hiền triết phủ chính. Ngày mồng một tháng tám năm Tân Dậu, niên hiệu Thiên Hi năm thứ đặt bút viết lời tựa.

Quán Âm Huyền Nghĩa là theo tên lược, đầy đủ phải nói Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm Huyền Nghĩa. Vì trong bài tựa đó và ở chánh văn nói đủ Người - Pháp, cho nên tạm nêu tên lược, nói Huyền Nghĩa là phần nghĩa của người giải thích. Huyền là tên gọi của sự u vi khó nhìn thấy, Nghĩa là sâu xa có lý do. Đây bởi Đại sư dùng lực Tam-muội thấu suốt ranh giới pháp tánh, nhìn thấy sâu sắc ý người pháp của phẩm này. Nên biết rằng năm nghĩa của các tên gọi đều sâu thẳm tinh tế, trí của người bầy phương tiện không ai có thể thấy. Quyển thượng đã có hai trục đối xứng cho đến trên dưới mà xét kỹ để phân biệt, kể đến chỉ ra người năng nói, tức Ngài Thiên Thai Trí Giả. Vì là học trò ghi chép lại những gì Ngài nói, cho nên không dám chánh nêu ra pháp hựu.

Thiên Thai là tên núi chính là nơi Đại sư nương thân nhập diệt, cho nên lấy nơi này để nói lên người đó. Hoặc từ chỗ cư trú được tên gọi của núi, tướng trạng nhập diệt và sự linh nghiệm kỳ lạ sau khi nhập diệt, có nói đủ ở Đại Bản và các văn biệt truyện Phụ hành, nay không nói đủ ở đây. Trí Giả chính là Tùy Đế cầu thọ đại giới Bồ-tát rồi, Sư nói : “Đại vương lần hồi vâng theo Thánh cấm, thích nghi gọi là Tổng Trì”. Vua thưa: “Kinh Địa Trì chép: Lưu truyền ngọn đèn Phật pháp tức là người trí tuệ, Sư đã truyền bá ngọn đèn đáng ấy hiệu là Trí Giả”. Từ đó trên tất cả thư số đều ghi là đệ tử Tổng Trì hòa nam Trí Giả. Nói Đại sư: đây chính là thầy của Đế vương đại nhân cho nên gọi như vậy, chẳng giống như danh hiệu chữ ký ở thời nay. Nói làm vui lòng. Là tha hồ vui với học nói giải thích, vừa lòng mong mỗi diệu ngộ, hoàn toàn khác với cái gọi là các Sư thu thập kinh luận, trước thuật số chương tiêu hóa văn kinh. Vì thế pháp sư Đại Nhãn nhìn thấy Trí Giả nói pháp, đối với mọi người khen ngợi rằng: “Đây không phải văn số đã chuyển tải, chính là quán cơ tha hồ giải thích, Bát-nhã chẳng sắc bén chẳng chậm lụt, sắc bén hay chậm lụt là do duyên, dồi dào hợp thời, là tướng sắc bén đó, ao sâu hoa lớn chậm lụt vừa ý đạt được”. Các ký lục chính là tôn giả Chương An, giải hạnh linh dị sự tích trước sau, bản lưu truyền đầy đủ rõ ràng. Văn giải thích chia làm hai, đầu tiên giải thích lời tựa có hai, thứ nhất nói về chân ứng lợi vật chia ra hai, ban đầu chính thức nói về chân ứng có hai, lúc đầu nêu ra hai thân diệu dụng có ba, trước trình bày thể diệu - hai là dụng mất có hai, trước pháp dung thông, ứng mất đi. Pháp giới viên dung: Sắc tâm - y chánh bởi vì chính là tánh, hưởng về chỉ ra một pháp lần lượt gồm thấu tất cả, mỗi pháp gồm thấu khắp nơi cũng giống như vậy, các pháp cùng khắp lẫn nhau đều không có giới hạn, chính vì không ranh giới mà làm cõi đó. Pháp giới này chẳng có gì không viên dung, tức là trăm giới ngàn như - trăm như ngàn giới. Vì thế cho nên có thể nói duy sắc duy tâm duy y duy chánh. Nếu không như vậy thì tức chẳng phải viên dung. Quán Âm chứng đạt điều này lấy làm bốn thể, toàn bộ Diệu thể này mà phát khởi noi theo phù hợp. Dùng pháp giới ứng đi đến pháp giới cơ, cũng là lấy pháp giới cơ cảm pháp giới ứng. Pháp giới không hai năng và sở tự quên, cảm ứng còn quên thì Thể dụng lẽ nào phân tách. Do đó tuy lập ra ứng mà không có ứng để giữ lại, cho nên nói “Tượng vô sở tượng”. Lại nói, “Chân như” trở xuống là tánh thanh tịnh chân vong. Chân như thanh tịnh ấy, Luận Khởi Tín chép: “Chân như, đó là tâm tánh bất sanh bất diệt, vì thế cho nên tất cả các pháp từ xưa đến nay, xa lìa tướng ngôn nói - xa lìa tướng danh tự, xa lìa

tướng tâm duyên rất ráo bình đẳng, không có biến đổi sai khác không thể phá hỏng hư hoại. Chỉ là một tâm cho nên gọi là chân như”. Lại nói: “Thể chân như này không có thể phân tán, vì tất cả các pháp đều là chân, cũng không có thể lập ra, vì tất cả các pháp đều là Như. Đã không thể phá hủy hay lập ra thì tự bật dứt nói năng suy tưởng, thì cùng với hà sa phiến não vốn không tương ứng, cho nên nói thanh tịnh”. Quán Âm chứng đạt điều này mà làm bốn Thể, chính là chỉ bày thể này cho các chúng sanh, khiến cho Tri quán hạnh hoặc kiến chân tự. Tri kiến này là thành tựu ích lợi phục đoạn. Nếu chưa có sự thấy biết này thì chỉ có thể tinh tiến ba nghiệp trở thành cơ cũng lia các khổ, tất cả được gọi là Hóa, đây đều là tướng lợi ích chúng sanh của chân thân.

Hỏi: Đồng duyên gọi là ứng, bỗng nhiên có tên gọi là Hóa, hai thứ thân này đều chẳng phải trí đức, nay vì sao Hóa mà là chân thân.

Đáp: Hóa bỗng nhiên có tức là hóa hiện rõ hóa. Nay đối với hình như nói về hóa giữ lấy Hóa chuyển Hóa. Vì sao như vậy? Trên nói ở nơi hình như thì ứng Hóa đều hình như. Từ “Thật báo v.v...” trở xuống đến thân địa ngục, đều đã gồm thâu hết. Nếu muốn hóa chuyển phàm hiển nhập thánh, cần phải chỉ ra chân trí. Nếu chẳng phải chân thân thì không thể nào hóa chuyển. Nói hóa vô sở hóa ấy là y cứ vào tánh bình đẳng quên đối với công lao hóa độ, tuy khiến cho chín đường đều hưởng về Niết-bàn, mà không có chúng sanh nào được diệt độ vậy. Bình đẳng chân pháp giới - Phật không độ chúng sanh nên suốt ngày hóa độ chúng sanh mà suốt ngày không hóa độ. Hai là “Tuy tượng v.v...” trở xuống là nói về dụng quên. Hai lợi ích rộng khắp chia làm hai: Đầu tiên nói lên lợi ích rộng khắp, các pháp sắc tâm tuy tánh vô sanh, nhân duyên hòa hợp pháp như thế mà sanh. Quán Âm khéo chứng cùng với các pháp tánh, tuy không hình tướng, mà các cơ đều khế, không hình không hiện rõ. Đây là do ý niệm bật dứt đối với thù ứng, cho nên có thể khắp nơi tùy theo mọi cơ pháp giới. Điều đó giống như gương sáng không ý niệm mà hiện rõ, cho nên nói “Chẳng có gì mà không giống”. Hai là từ “Hóa không v.v...” trở xuống là lợi ích ngầm kín khắp cả. Từ chữ tuy ở trên bắt đầu câu này, xuyên suốt đến đây, tuy trong đó thật tánh không thể biến hóa, không biến mà biến mê ngộ rõ ràng như vậy. Quán Âm thuận theo lý tuy khắp mà không thay đổi, thường dùng chân trí hóa độ tất cả phàm thành thánh không hai, đây là do ý niệm không hóa độ chúng sanh, khắp nơi làm cho người khác đổi mê thành ngộ. Điều đó giống như đá nam châm không có ý niệm mà hút, cho nên nói “Chẳng chỗ nào mà không hóa” Ba là từ “Cho nên, không v.v...” trở xuống là

ngăn chiếu tức nhau, kết hợp hai thân đức tướng - chia làm hai: Trước tiên là tướng ứng thân, Trung đạo pháp giới cùng ngăn dứt hai bên cho nên không có gì hiện hữu, đương thể cùng soi chiếu cho nên chẳng gì không hiện hữu. “Thân hóa hiện thuận theo chín đường”: Ở đây nói Hóa là bỗng nhiên có giải thích, cùng với ứng trở thành hai tướng lợi ích rõ ràng đầy đủ.

Hỏi: Kinh nói “Người đáng độ bằng thân Phật thì hiện thân Phật” nay sao nói là chín?

Đáp” Thân cõi Phật có thông suốt có hạn cuộc, hạn cuộc ở tại thân Diệu giác trí tướng, ba ngàn thật tướng vì rốt ráo dùng hết, còn chẳng phải tâm nhãn Đẳng Giác quán thấy, hướng chi hạ địa và phàm phu nhỏ bé ư? Thông suốt thì tướng kết quả của ba giáo, cho đến phàm thánh Viên giáo vốn nhìn thấy, tuy phân chia thô phù hay mầu nhiệm mà đều gọi là thân Phật. Như vậy là tướng ứng hiện tùy cơ, là nhận thức việc đó hoặc là cái thấy của nghiệp thức. Vì thế tuy là Phật thân mà thông suốt gồm thân cõi Nhị thừa - Bồ-tát. Văn kinh thuận theo thông suốt cho nên nói hiện rõ mười, văn này thuận theo hạn cuộc cho nên nói là chín đường. Từ “Đối với hữu v.v...” trở xuống là chân thân đạt được. Thông suốt dùng chín cõi gọi là hữu, vì ở đó đều là nghiệp báo. Ứng thân tuy quả là ở tại trong đó, mà chân trí đó tự sâu xa tận cùng lý, cho nên nói là “Vắng lặng đi vào ý chỉ không hai”. Trước chính là chân thân mà tướng thù ứng, đây chính là tướng ứng mà chỉ ra chân chân. Từ “Bởi thế v.v...” trở xuống là nói về hai dụng gồm thân chúng sanh. Trên đây là nói hai dụng chân ứng đã như thế, nay nêu ra tướng ban cho và dứt trừ gồm thân chúng sanh. Hai câu đầu nói về chân thân dứt khổ, hai câu kế chỉ ra ứng thân ban vui. Phật đáp câu hỏi trước: “Ba nghiệp hiển bày cơ cảm đối với ngậm kín ứng hiện, bảy nạn hai cầu cho đến ba độ trừ hết đến cùng các khổ”, cho nên nói: “Được thoát khỏi bến bờ khổ đau”. Phật trả lời câu hỏi sau: “Ba nghiệp nói lên ứng hiện đi đến cơ ngậm kín đó, ba cõi chúng sanh được mười thứ lợi ích, chung quy là bí tạng”, cho nên nói: “Khiến cho được hưởng niềm vui thượng phẩm. Nhưng mà bốn lời thề đó chẳng phải chuyên chú ban cho niềm vui, tuy ở đây trình bày thật sự thông suốt câu trên, ba nghiệp ở trên chính là nhân của năng cảm, ở đây nói bốn lời thề là căn bản của năng ứng. Trên dưới hiển bày lẫn nhau đây kia không thiết sót, nên biết ba nghiệp cũng thông suốt cơ nghi ngậm kín, hiện tại tuy không có mà đời trước cần phải đầy đủ. Từ “Cho nên ở cõi Ta bà v.v...” trở xuống bao gồm nói về bốn tích - chia làm hai: Đầu tiên là nêu ra các tên gọi - chia làm hai;

thứ nhất là nhân xưa - nay. Tên gọi nay là Kham Nhẫn độ gọi là Vô Úy: Giả Kinh này nêu ra hai: “Trong nạn cướp bóc một người nói lớn lên rằng: Các người thiện nam không nên kinh hãi, các vị phải nhất tâm xưng danh hiệu Quán Thế Âm, Bồ-tát này thường đem sự không sợ hãi đến cho chúng sanh”. Cho đến nói: “Xưng danh hiệu đó nên liền được giải thoát”. Còn trong khuyển cúng dường Đức Phật tự khen ngợi rằng: “Đại Bồ-tát Quán Thế Âm này, ở trong hoạn nạn cấp bách kinh hãi, thường giúp cho sự không sợ hãi, vì thế cho nên thế giới Ta bà này đều gọi Ngài là người ban cho sự không sợ hãi”. Bảo Tạng v.v... kinh Bi Hoa chép: “Thời quá khứ trong kiếp Thiệu Trì cõi Tấn Đề Lam (San đề lam), lúc bấy giờ có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Tạng, có vua Chuyển luân, là Vô Lượng Tịnh, Thái tử thứ nhất ba tháng cúng dường Phật và Tỳ-kheo tăng, phát tâm Bồ-đề, nếu có chúng sanh chịu ba đường cùng tất cả khổ não, nếu có thể nhớ đến tôi xưng danh hiệu tôi, được thiên nhĩ tôi nghe đến - được thiên nhãn tôi thấy đến, mà không tránh được khổ đau ấy thì tôi không bao giờ thành vô thượng Bồ-đề. Phật Bảo Tạng nói: Ông quán sát tất cả chúng sanh muốn dứt trừ các nỗi khổ đau cho họ, nên nay tên ông là Quán Thế Âm”. Từ “Đã thành v.v...” trở xuống là quả và danh hiệu quá khứ vị lai. Đã thành v.v... kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi chép: “Sức uy thần của Bồ-tát này không thể nghĩ bàn, đã ở trong vô lượng kiếp quá khứ, thành Phật rồi, hiệu là Chánh Pháp Minh Như-Lai, vì nguyện lực đại bi an vui cho chúng sanh, nên hiện tại làm Bồ-tát”. Còn kinh Quán Âm Tam-muội nói “Trước kia đã thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như-Lai, Thích Ca làm đó làm đệ tử khổ hạnh của Đức Phật”: kể sẽ v.v... làm bồ xứ, kinh Quán Âm Thọ Ký chép: “Bồ-tát Quán Thế Âm kế sau đức Phật A-Di-Đà, sẽ thành bậc Chánh giác, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như-lai”. Bồ xứ giống như nghĩa các vua. Từ “Bổn Tích của Ngài v.v...” trở xuống kết tóm sự khó suy lường. Như trên kinh nói: “Hoặc đã thành Như-lai hoặc hiện làm Bồ-tát, đời chánh pháp đã qua từng làm thầy của Đức Thích Ca”. Nay nói Quán Âm vẫn là bồ xứ xứ của Đức Di Đà, cũng như Diệu Đức Nguyên là Tổ sư chín đời của Năng Nhân, cháu đã tròn đầy quả mà tổ hãy còn nhân vị, bổn tích cao thấp đâu thể đo lường! Nhưng cần phải sử dụng bốn câu cao thấp đó, để hiển bày tướng các Thánh khó thể nghĩ bàn. Từ “Nay nói v.v...” trở xuống là nói về tiêu đề người pháp - chia làm hai: Đầu tiên nói về người bao gồm tên kinh - có hai: thứ nhất nói về người - chia làm hai: Trước hết so sánh Phạn văn phiên dịch tên gọi, các kinh và thần chú trước đây xưng tên gọi chữ Phạn, văn nay lược bớt

đôi chút, mà tên gọi Hoa ngữ có nhiều sai lệch, ở đây gọi là Quán Thế Âm, nơi khác nói là Quán Tự Tại, nhưng trong kinh Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi chép: “Bồ-tát Quán Thế Âm Tự Tại”, nghĩa đó hình như đầy đủ. Nhưng dựa theo cảnh trí mà nói về cảm ứng, thì ba tên gọi hiện tại giải thích rõ ràng không thiếu sót. Nếu theo cách giải thích này thì đã rõ ràng tự tại. Từ “Năng sở v.v...” trở xuống là dựa theo tiếng Hoa mà giải thích nghĩa, có hai: Đầu tiên giải thích riêng - chia làm hai: Thứ nhất giải thích, chia làm hai. Trước là giải thích chữ Quán - chia làm hai: Một là khéo thấu đạt ở giữa các biên, năng sở viên dung trí Trung đạo. Có và không bao gồm thông suốt hai trí, chỉ ở một tâm cùng ngăn dứt và cùng soi chiếu, lúc ở giữa soi chiếu tức thấu đạt hai đế, cho nên nói là bao gồm thông suốt. Vậy thì âm thanh ngôn ngữ mười cõi lập tức phát khởi lập tức quán xét thường ngăn dứt thường soi chiếu. Từ “Chiếu cùng v.v...” trở xuống là tu tánh cùng sáng tỏ, soi chiếu tận cùng chánh tánh nhìn thấy tánh đức vậy, xét kỹ ngọn nguồn nhìn thấy tu đức. Đây là dựa theo diệu cảnh nói lên diệu trí đó, vốn có đủ ba ngàn tui chính là ba đế, mà đối với tu cho nên hợp lại chỉ nói là chánh tánh. Duyên liễu trong tu đều có ngọn nguồn, chấp tay cúi đầu là nguồn của duyên, phước đức trang nghiêm là ngọn của duyên. Một câu một bài kệ là nguồn của liễu, trí tuệ trang nghiêm là ngọn của liễu. Thuận tu đã như vậy mà nghịch tu cũng như thế. Lúc gây ra điều ác thì các tâm sở, như tâm sở tuệ, há chẳng phải nguồn hay sao? Lúc chịu đau khổ thì tập quả, báo quả chính là ngọn đó. Nếu lấy tu tánh nói về nghĩa ngọn nguồn đó thì càng đến cực điểm, ba ngàn tánh đức nói về nguồn mới hết được, tu khởi lên ba ngàn nói về ngọn mới có thể cùng tận. Chẳng phải ba trí trên thì chẳng gì soi chiếu cảnh này, không phải diệu cảnh này thì chẳng có gì phát ra trí đó. Hột đây nước sữa phân nào có thể là đúng. Hai là giải thích về Thế Âm, tức là chúng sanh trong mười cõi gặp phải khổ đau cầu cứu, xưng danh hiệu phát ra âm thanh, là cảnh sở quán vậy. Cảnh trí trên đây đều là năng quán có thể thí dụ cái chày cái bàn giặt, Thế âm ở đây có thể thí dụ cho thuận phác; chẳng phải cảnh trí trước đây quán xét Thế Âm này, làm sao khiến cho mười cõi giới thoát khỏi ba chương? Lại nữa, phải biết cảnh trí được này, chính là thể dụng khó nghĩ suy của Bồ-tát, tức là năng ứng. Cảnh của Thế Âm chính là chúng sanh do khổ đau trở thành cơ, tức là năng cảm. Đây chính là cảnh trí cho đến cảm ứng. Trong ba chữ đều được thành tự. Muôn hình tượng lưu động cách nhau không đồng” là giải thích nghĩa chữ Thế. “Các thứ âm thanh khác nhau” là mang nghĩa Thế giải thích nghĩa Âm. “Đều nương

nhờ được lìa khổ là trở thành nghĩa cảm được lợi ích”. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là kết hợp với thể thấy. Từ “Đây tức v.v...” trở xuống là nêu chung, ba chữ Quán v.v... là cảnh trí, năng sở ấy là cảm ứng. Năng chính là năng ứng - sở chính là sở ứng, há có thể nói lại rằng năng chiếu sở chiếu hay sao? Thứ hai là nói về kinh. Phẩm này đã dùng lưu hành riêng ở thế gian, vốn có nhiều đề gọi là kinh Quán Thế Âm, hoặc gọi là kinh Quán Thế Âm Bồ-tát Phổ Môn Phẩm, cho nên nay trình bày tên người sau sơ lược giải thích về tên kinh. “Nói kinh do nghĩa theo Tịnh Danh Huyền Nghĩa nói: “Kinh từ tâm miệng bậc Thánh cho nên gọi là kinh, tất-đàn dẫn đến giáo, kinh từ tâm miệng Như-Lai, cho nên gọi là kinh”. Lại nói: “Thánh trước - Thánh sau chẳng vị nào không trải qua giáo từ tất-đàn này nói mà được thành đạo”. “Văn lý v.v...” ấy là, chọn lấy nghĩa dọc ngang - pháp dụ cùng trình bày, văn dọc nghĩa lý ngang bày tỏ mở rộng lẫn nhau, đan xen thành trong tâm quán trí của hành giả. Từ “Phổ môn v.v...” trở xuống là nói về pháp bao gồm phẩm - chia làm hai:

Thứ nhất nói về pháp, có hai: Đầu tiên hai chữ tiêu trừ kể là từ “Dụng nhất v.v...” trở xuống là nêu ra mười Phổ. Thật tướng: Tam thiên đều là Thật tướng viên dung lẫn nhau nên nói một không phải hai nghĩa. Muôn đức gọi chung là nhất thừa mà khác tên gọi.

Mười nghĩa ở văn dưới để nêu ra tướng đó:

1. Vô duyên từ bi.
2. Vô tác hoằng thệ.
3. Hạnh của viên tu.
4. Đoạn của bất đoạn.
5. Viên nhập pháp môn.
6. Vô ký thần thông.
7. Phương tiện trong Thế.
8. mở ra nói pháp.
9. Phổ cúng Chư Phật.
10. Lợi ích khắp chúng sanh.

Từ nguyện lập nên hạnh là quả của tự nhân, toàn thể phát khởi Dụng trên thì cúng dường dưới thì ích lợi, từ đầu đến cuối gồm thâu hết các pháp, cả mười đều là thật tướng thông suốt lẫn nhau khắp nơi gồm thâu không gì chướng ngại.

Thứ hai nói về phẩm: Thuận theo biệt hạnh lập đề mục kinh, nhưng là một phẩm lưu thông của Pháp Hoa, do đó nay trình bày lại không quên cội gốc. Trung A-hàm: “Bạt cự Hán dịch là Phẩm, chọn lấy

nghĩa đồng nhau nhóm hợp lại thành một chương”. Từ “Đại bộ v.v...” trở xuống là giải thích chánh văn - chia làm hai: đầu tiên ví dụ Đại Bộ, năm chương Diệu Huyền giải thích rất quanh co, một phẩm của kinh chẳng lẽ diệu nghĩa há khác nhau hay sao? Ở đó chỉ đích thực trình bày đề mục chung của năm chữ, nay vốn giải thích biệt đề của một phẩm, hướng gì lại làm chông lại, cho nên cần phải tự lập ra năm nghĩa phân biệt. Tuy là tự lập ra nhưng vẫn phải phù hợp với văn bản quyền bày thật viên mãn, mâu nhiệm kia, do đó giải thích tên gọi thì thuần túy tuyệt diệu về người pháp, hiển bày thể thì lý trí không hai, nói về tông thì cảm ứng khó nghĩ suy, nói về Dụng thì vô duyên ban cho và dứt trừ, phân định về Giáo thì cùng tột vị đề hồ. Năm chương này là gọi chung ba giáo khác nhau phân định về chung riêng v.v... Từ “Một là giải thích danh v.v...” trở xuống là giải thích văn nay có năm: Thứ nhất là giải thích tên gọi - chia làm bốn: Đầu tiên xếp vào chương mục. Từ “Thông suốt v.v...” trở xuống là nêu ra tướng. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống là đối với căn. Chung đã là lược xưa nay đối với lợi căn, giải thích riêng thì rộng, thường đối với độn căn. Nếu hai điều đó hướng về thì phải trình bày hai Trì, Văn trì thì dùng nói rộng để làm lợi căn, Nghĩa trì thì dùng nói lược để làm lợi căn, độn căn vừa ý đạt được. Bàn đặc gọi là Độn tức căn cứ ở Văn trì. Ngài Mục-liên gọi là độn tức căn cứ nghĩa trì. Hai cách giải thích này đối với hai căn, cần phải y cứ theo Văn. Nghĩa luận lẫn nhau về lợi độn. Từ “Nay căn cứ v.v...” trở xuống là chính thức giải thích chia làm hai: Thứ nhất giải thích chung có hai: Đầu tiên nêu ra - có hai : Từ “Một là liệt danh v.v...” trở xuống chính thức giải thích có bốn: Trước hết bày ra ba tên gọi, đầu tiên sơ lược nêu ra, hai là lập nên ý của tên gọi có hai: Một là trình bày lý vượt quá tên gọi số đếm, Đại sư tuy sử dụng mười nghĩa môn để giải thích chung đề mục, mà thể đạt sâu sắc Quán Âm rất người, Phổ Môn pháp mâu, vốn là tướng tâm duyên của ngôn nói năng, cho nên nói chí lý thanh tịnh v.v... Vì vậy Khởi Tín chép: “Tất cả nói đều là giả danh không thật, chỉ thuận theo vọng niệm, không thể đạt được”. Từ “Chỉ vì diệu v.v...” trở xuống là danh số hiển bày lý có hai: Đầu tiên dựa theo nghĩa nêu ra, trên nói “Chí lý thanh tịnh không có danh tướng v.v...”, bởi dựa vào tự chứng dứt bật đối với nói năng suy nghĩ. Nay nói “lý mâu thông suốt giả danh tướng nói”, chính là căn cứ theo vật lập ra giáo mà luận. Nói là Hư Thông: Ở đây trình bày lý mâu không có tánh bám trụ vững chắc, tuy không có danh số mà có thể khắp nơi thích ứng với tất cả danh số. Cho nên Kinh Khê nói: “Tánh vốn không tên gọi mà đầy đủ các tên gọi, cho nên không



nói mà nói, nói liền thành giáo, thế thì lìa ngôn ngữ hay dựa vào ngôn ngữ đều thuận theo chí lý, bậc Thánh hay nói năng đều có lợi ích lớn”. Do đó Khởi Tín hỏi rằng: Nếu tất cả các pháp không thể nói - không thể nghĩ, các chúng sanh như nhau thì vì sao nói tùy thuận mà có thể được hội nhập? Đáp rằng” Nếu biết tất cả các pháp tuy nói mà không có năng nói - có thể nói, tuy nghĩ nhớ cũng không có năng nghĩ nhớ - có thể nghĩ nhớ, đó gọi là thuận theo. Nếu xa lìa nơi nghĩ nhớ gọi là được hội nhập, nay cũng như vậy, dùng mười loại nghĩa không nói mà nói, ý khiến cho người học không nghĩ nhớ mà nghĩ nhớ. Từ “Cho nên, Đại luận v.v...” trở xuống là dẫn văn chứng minh, Bát-nhã vô tướng tức là một pháp, Tất-đàn vì chúng sanh lập nên các loại tên gọi. Từ “Nay ở v.v...” trở xuống là chính thức nêu ra tên gọi có hai: Đầu tiên trình bày ở giữa là thích đáng. Nay lập mười nghĩa tức lìa nghĩa rất rộng cho đến rất tóm lược. Nghĩa rộng thì khiến cho trí lui sụt, sơ lược thì nghĩa không hoàn bị, ta nói ở giữa khiến cho nghĩa dễ rõ ràng. Từ “Mười nghĩa v.v...” trở xuống là chính thức nêu rõ ra có hai: Từ “Thứ hai v.v...” trở xuống là thứ lớp có ba: Đầu tiên là nêu rõ hai ý có hai: Thứ nhất chính thức nêu rõ, dựa theo Quán dựa theo Giáo đều có thứ lớp sanh khởi không lẫn lộn. Từ “Ước quán v.v...” trở xuống là trình bày chung về điều ấy. Hoặc quán hoặc giáo năng tổng năng cai, quán sát chung ba tâm, người pháp từ bi là sơ tâm, phước tuệ là trung tâm, chân ứng đến tám đều ở hậu tâm. Duyên liễu đạt đến cực điểm của tánh chỉ ra nhân mới trọn vẹn, trí dứt tận cùng rốt ráo trình bày quả mới đầy đủ, giáo dựa theo năm thời chẳng có gì không bao gồm, Hoa Nghiêm là đốn, ba thời là tiệm. Lại ở trong tiệm thì ba tạng chỉ là Tiểu, hai phần Tô là Đại. Nếu nói về Pháp Hoa thì vượt ra bốn vị trước, vì chẳng phải bao gồm mà chỉ là đối đãi kèm cặp, đã đầy đủ các luận nói cho nên nay lược bớt. Từ “Xét theo quán v.v...” trở xuống là giải thích hai ý có hai: Đầu tiên quán thứ lớp có mười: Trước hết là người pháp có hai:

*Thứ nhất thường đứng đầu chín đời, từ bi đến chín loại đều lấy người pháp làm sở y, vì thế cho nên đề của phẩm đặc biệt nêu ra hai điểm này, do đó lấy phạm phu giả thật làm thí dụ trước có nắm chắc chỗ che thành tựu cho chúng sanh, mới có thể nói về các đức hạnh. Người pháp đứng đầu trong chín nghĩa há không đứng hay sao? Từ “Người pháp v.v...” trở xuống là phân biệt thứ lớp có hai: Một là nghi ngờ, vì sao theo (thừa) lấy người pháp làm thứ lớp? Pháp là sở thừa, người là năng thừa, theo lý hợp với bản tánh sở thừa nên nói trước, mới nói về thí giác năng thừa. Nay sao trái ngược điểm này. Từ : “Đây cần v.v...”*

trở xuống là giải thích, năng thừa sở thừa trước sau không còn. Nay có hai ý, trước là người kế là pháp, một căn cứ vào văn kinh, hai thuận theo nghĩa thích hợp. Người có thể nắm giữ pháp chính là nghĩa đó.

*Hai là Từ bi có hai:* Đầu tiên là thứ lớp trong mười, hai là trước sau hai pháp, xuống phía dưới các khoa ví dụ có hai điểm này. Kế là đối với người pháp nói về từ bi: Đại sĩ đã quán sát pháp Phổ Môn của bốn tánh, chính là thấu đạt lý chúng sanh và Phật không khác, mà thương xót kẻ mê muội oan uổng phải chịu các khổ đau, mất đi niềm vui từ ban đầu, cho nên phát khởi thệ nguyện mãi mãi hạn kỳ ban cho và dứt trừ, quán cảnh phát tâm đích thực thích hợp thứ lớp đó. Trước là Từ kế là Bi: Văn có bốn cách giải thích, nay thuận theo lời đơn giản cho đến bốn hòa, không thuận theo sử dụng thứ lớp cho đến người thực hành, cho nên kết thúc chỉ ra rằng nay thuận theo nghĩa trước.

*Ba là trong phước tuệ, người pháp y cứ theo niềm tin:* Trước khi nguyện hạnh, người quán sát pháp trọn vẹn chỉ tạm thời thành tựu tín, dựa vào nhẫn nại vui vẻ lập nên bốn hồng thệ đó. Nếu không phải núi hạnh thì không gì lấp đầy biển nguyện, hạnh chính là nghĩa của phước tuệ thích hợp với Lục độ, năm độ giúp đỡ cho tuệ - tuệ dẫn dắt năm độ, điều đó giống như mắt và chân không thể nào thiếu sót lẫn nhau, năm độ trừ diệt sự chướng ngại - tuệ trừ khử lý mê hoặc, hai điểm này trọn vẹn công lao thì hiểu ra lý đạt được sự rồi, vậy thì biết phước tuệ thành tựu trước tâm từ bi, phát khởi công dụng ban cho và dứt trừ về sau. Trước là Phước kế là Tuệ, cũng thuận theo lời nói đơn giản không căn cứ vào bốn hòa. Nếu nói về giúp đỡ và dẫn dắt thì đâu có trước sau?

*Bốn là chân ứng:* Tín nguyện phước tuệ đều ở nơi nhân, nhân có thể quyết định được quả cho nên trở thành chân ứng, phước giúp đỡ cho tuệ biểu hiện lộ rõ chân thân, tuệ dẫn dắt phước biểu hiện rõ ứng thân. Chân ứng thứ lớp: Nếu căn cứ ở sự hóa độ tiệm thì trước tiên chỉ ra ứng thân tiếp nhận căn khí nhỏ bé đó, sau khiến cho hội nhập thật sự mới chỉ ra chân thân, cũng có thể trước đốn kế là tiệm, thì chân trước mà ứng sau. Nay không theo lập ra Hóa chỉ dựa vào chân hiển bày ứng phát khởi, mà lập nên thứ lớp đó. Vì vậy nói theo trước cũng là nói thích hợp thôi.

*Năm là Dược Châu:* Hai hạnh phước tuệ biểu hiện phát ra chân ứng, cho nên nói thẳng chứng đắc chưa hợp với lợi ích người. Nay trình bày dược châu thì nêu ra, tương hai thân lợi ích chúng sanh. Chân thân thấy lý sâu xa thì ba hoặc đều tiêu trừ, tức là lợi ích khỏi bệnh. ứng thân cảm ứng đến chúng sanh thì các thiện khắp hội tụ, tức như lợi ích của

mưa quý báu. Nói chân phá bỏ chấp thủ tướng: Đã dùng ba trí suy tư lý sâu xa làm chân, há chỉ có thể Kiến, Tư phá chấp thủ tướng hay sao? Phải biết rằng kiến, tư giữ lấy tướng sanh tử, trần sa giữ lấy tướng Niết-bàn, vô minh giữ lấy tướng hai bên, hoặc kế là hay không kế là đều có nghĩa đó. Trong thứ lớp được châu tướng tự với từ bi: Được tức là giống với Bi - châu có thể tướng tự với từ. Nơi kia có bốn nghĩa xác định so với trước sau, bốn hòa vua ngôn thuyết chính là trước Từ kế là Bi, thuận theo dụng sát vào cơ thì trước dứt trừ sau ban cho. Thứ lớp hiện tại giống như hai điểm sau của cách kia.

*Sáu là Ẩn hiển:* Trước nói hai thân phá hoặc như Được - đối cơ như Châu, cơ đã phá hoặc thì có thể thấy rõ chân thân, cho nên nói hai thân chính là có thể hiển bày lợi ích. Nay giải thích hai thân thường che phủ rộng khắp mọi vật, người có thấy biết đều gọi là lợi ích hiển hiện, người không thấy biết gọi là lợi ích ẩn (ngầm kín). Nói Như vậy, mới tận cùng tướng lợi ích chúng sanh của bậc Thánh. Hai lợi ích trước sau không thể nào phân định chắc chắn, cũng theo lời nói thích hợp cho nên nói là ẩn hiển, điều này dễ dàng hiểu được cho nên không nói.

*Bảy là trong quyền thật:* Duyên trước không giống nhau: Vì căn cơ chúng sanh được giúp có căn tánh sai khác. Quyền xảo vô phương: Tức là trí của năng soi xét không phân định phương sở, hoặc ngầm kín hoặc hiển bày phá ác sanh thiện, sâu cạn khác nhau, rộng hẹp có tách biệt, đều do hai trí thích hợp, hội nhập không sai khác, cho nên ở sau lợi ích thì phải nói về quyền thật, hai trí trước sau tuy có ba nghĩa, mà căn cứ vào cạn sâu làm thứ lớp.

*Tám là trong bốn tích:* Xảo có hơn kém: Nghĩa là trí có cao thấp. Thượng trung hạ là, lấy Diệu Giác làm bậc thượng, Đẳng Giác làm bậc trung, hạ thấp xuống là bậc hạ. Trước kia quyền thật xem xét cơ nghi chắc chắn phải sử dụng cả hai, vì thế nói là Hoành. Nay Bốn tích dựa theo địa vị đã nói về cao thấp, con người cần phải thuận theo Bốn mới có thể thùTích, nên nói là Thụ. Hai pháp trước sau có thể nhìn thấy.

*Chín là duyên liễu có hai:* Đầu tiên chỉ ra trước đây thuận theo nói về tự tha, như tám cặp trên từ vi tế đến thô trước, đều là thuận theo mà nói nhưng vẫn chưa phân phối. Nay lần theo dòng chảy tìm về nguồn, phải trình bày tánh đức mà làm căn bản cho sự sanh khởi của các pháp. Hai là trình bày nay lùi lại bàn về hạt giống, tức ngược lại con người của trí tuệ, bi thệ, quán trí, chân thân, chủ yếu lấy tánh đức liễu nhân làm hạt giống. Nếu pháp phước đức từ thệ Phổ môn của ứng thân, chủ yếu lấy tánh đức duyên nhân làm hạt giống, tự hành đã như vậy để ví

dụ hóa tha, bốn chứng thật trí lợi ích ngấm kín thì Dục Vương thuộc về liễu chủng, Tích hóa quyền trí lợi ích hiển bày thì Châu vương công lao quy về duyên chủng, mới có thể để thuận theo luận, lùi lại bàn bạc làm thứ lớp.

*Mười là kế duyên liễu nói về trí đoạn:* Trước đã suy tìm ngược lại tận cùng gọi là bắt đầu nhân của đức. Nay lại thuận theo nói đến nơi rốt ráo quả của đức, tức là dùng từ trước đến sau để làm thứ lớp đó, đi qua “trà” không có tên cho nên sau mười loại không nói.

Từ “ Căn cứ ở giáo nói rõ thứ lớp v.v...” trở xuống nói về thứ lớp của Giáo - có hai: Đầu tiên là nêu lại chương lập môn. Hai từ “Chung nghĩa v.v...” trở xuống là dựa vào môn giải thích nghĩa có hai: Thứ nhất là Thông: Năm thời bốn giáo đều có thể nói về mười, tùy theo pháp mà lập ra nghĩa không thể nào đi sâu vào cùng tận, tạm thời như ba tạng lập nên mười cặp là: Người pháp thì thu nhận ấm trở thành người và các pháp duyên, độ, từ bi thì Thanh-văn pháp duyên, Bồ-tát sanh duyên, phước tuệ thì Thanh-văn ba học, Bồ-tát sáu độ, chân ứng thì năm phần pháp thân tác ý chung cho ứng, dục châu thì chữa trị bốn trụ bệnh - rười mưa ba thừa quý báu, ẩn hiển thì chúng sanh được lợi ích có thấy nghe - không thấy nghe, quyền thật thì xứng với thật của chân - tùy theo quyền của tình, bốn tích thì tự chứng căn bốn thị hiện làm tích, duyên liễu thì một câu liễu nhân làm hạt giống cho duyên lành, trí đoạn thì Thanh-văn bốn quả - Bồ-tát đốn thành, ba tạng hãy còn có đủ thì Chung riêng có thể biết. Hai từ “Biệt nay v.v...” trở xuống là tách biệt có hai: Đầu tiên là năm vị chia làm hai: Thứ nhất giải thích có năm: Một là nữ có hai: Trước là nói đầy đủ sáu nghĩa trước, nữ chính là bộ đốn cho nên chỉ về Hoa Nghiêm, sáu chữ biệt đề đầy đủ người - pháp - dụ, Đại Phương Quảng là pháp, Phật là Xá-na quả của người, Hoa nghiêm dụ cho nhân các Địa là quả đức Hoa Nghiêm. Chỉ dựa vào một đề đã bao gồm sáu nghĩa, vì Từ bị cho đến Chân ứng không vượt ngoài nhân quả tự hành, Dục Châu - Ẩn Hiển chỉ là năng sở hóa tha, tức là ngay nơi Trung đạo tách biệt mà nói về sáu nghĩa. Từ “Mà chưa v.v...” trở xuống là trình bày thiếu bốn nghĩa sau có hai: Đầu tiên nói về Chung riêng chia làm hai: Thứ nhất trình bày không có tách biệt. Từ “Chung nghĩa v.v...” trở xuống là chấp nhận có chung. Nếu dùng Biệt Viên đối với Thể dụng quyền thật nói về Bốn Tích, thì căn cứ liễu của nhân nhỏ, Trí đoạn của Đại Giác, cũng có lý còn lại. Từ “Vì sao...” trở xuống nói về thiếu - đủ có hai: Đầu tiên duyên theo Hóa bắt đầu nói về thiếu hụt, bốn thứ quyền thật v.v... nói về ý xuất thế, chỉ ra thành tựu từ lâu xa, lùi lại

bàn về ba nhân rốt ráo trở về bí tạng, lúc mới thành tựu lập giáo chỉ tiếp nhận đại cơ, đã không phải là chung quy cùng tận cho nên thiếu sót ý này. Hai từ “Sở dĩ v.v...” trở xuống là đối với đầy đủ nói về thiếu sót có hai” Đầu tiên đối với Pháp Hoa nói Tiểu ngôn cách với Đại: Kinh bản cựu dịch quyển ba mươi bảy chép: “Khi Xá-lợi-phất ra ngoài rừng Kỳ Viên, không thấy Như-lai biến hóa trang nghiêm tự tại, và phát sanh ý niệm cũng không thích nói, không thể nào khen ngợi, bởi vì người Thanh-văn vượt ra ba cõi”. Đây chính là văn như điếc như câm vì chưa nói vì thực thi quyền, bỏ quyền bày thật. Nói không có Bổn Tích: Hoa Nghiêm lúc đầu nói: “Ở Bồ-đề đạo tràng mới thành Chánh giác”, nay Pháp Hoa chép: “Tất cả thế gian Trời - Người - A-tu-la đều nói nay Phật Thích Ca Mâu-ni sinh ra trong cung họ Thích, cách thành Già-da không xa ngôi nơi đạo tràng đạt được Tam-muội Bồ-đề. Nhưng Ta thật sự thành Phật đến nay trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na do tha kiếp”. Đây là văn của Hoa Nghiêm bị phế bỏ. Nói búng ngón tay, tăng hắng: Như phẩm Thần Lực: “Thích Ca Mâu-ni cùng phân thân chư Phật đưa ra tướng lưỡi rộng dài, trên thế gian cõi Phạm, tất cả lỗ chân lông toả ra ánh sáng vô lượng, thấy đều soi chiếu khắp các thế giới ở mười phương, đầy trăm ngàn năm sau đó trở về gồm thấu tướng lưỡi, trong một lúc tăng hắng cùng búng ngón tay, hai âm thanh này vang khắp đến thế giới chư Phật mười phương, mặt đất đều rung chuyển sáu cách, cho đến Đức Phật nói cho các Bồ-tát từ dưới đất vọt lên biết: Các ông từ sau khi Như-Lai diệt độ, cần phải nhất tâm thọ trì đọc tụng giải thích biên chép đúng như lời dạy mà tu hành v.v...” Đây chính là Bổn môn để nhiều lần dẫn dò Bồ-tát dưới đất vọt lên lưu thông kinh, hiện rõ ra thần lực này. Sở nói: “Tăng hắng ấy là tướng của thông suốt lưu loát. Búng ngón tay là tùy hỷ. Bởi biểu hiện ý căn bản xa xôi của Như-lai, đã được thông suốt lưu loát, tùy hỷ với Bồ-tát nghe đối với căn bản xa xôi, tăng thêm đạo giảm bớt sanh. Từ “Nói không có v.v...” trở xuống là đối với Niết-bàn. Nói không nói về căn tánh Tiểu thừa v.v... ấy là không như Niết-bàn nói về người hàng nhị thừa và tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả sẽ thành Phật, cho nên thiếu hai cặp sau. Từ “kế căn cứ v.v...” trở xuống là Lạc có hai: Đầu tiên Đại sư trình bày thiếu sót và đầy đủ có hai: Thứ nhất chính là nói về thiếu sót và đầy đủ. Từ “Vì sao v.v...” trở xuống nói về lý do thiếu hụt và đầy đủ. Nói giáo nhị thừa: Bởi vì quả của Bồ-tát ba tạng giống với nhị thừa, như trong Đại Luận thông thường chỉ ra A-hàm là kinh Thanh-văn mà thôi. Giáo này không thảo nói về Chân của diệu hữu, cho nên thân trí diệt đi không thể nào phát

khởi ứng. Đã không có Chân ứng lẽ nào có Dược Châu v.v... kỳ lạ ư? “Riêng hỏi v.v...” trở xuống là Chương An riêng phân biệt có hai: Đầu tiên chính thức phân biệt chia làm hai: Thứ nhất chất vấn điều ấy, bởi vì sợ người không hiểu Đại sư lập nên nghĩa của chung riêng này, cho nên lập ra chất vấn ấy làm nguyên do của giải thích nêu ra, mới có thể dựa vào trong Chân lập ra chất vấn về chung riêng, bởi vì hai điều này là lý chung riêng. Từ “Riêng đáp v.v...” trở xuống là giải thích điều đó, không dùng Chân để thông đối với Trung đạo biệt, bởi dựa theo ba thừa thông đối với Bồ-tát biệt. Nếu ba tạng ba thừa từ nhân đến quả, có thể dựa vào Chân để thông suốt nói về mười nghĩa. Nay giải thích về Quán Âm cần phải ở tại nhân vị trong nhân Bồ-tát giáo này chỉ có người pháp cầu Phật, bốn thế tử bi, sáu độ phước tuệ, điều phục hoặc, chưa dứt trừ, cho nên không có thể nói về bảy loại như Chân ứng v.v... há chỉ không ở tại bảy loại của Trung đạo hay sao? Cũng chính là chưa có bảy loại của Chân đế. Từ “Sư nói v.v...” trở xuống là chỉ ra ý Sư, chỉ bằng ba tạng riêng luận về Bồ-tát, ba nghĩa trước đây khác đối với nhị thừa, không dựa vào Trung đạo riêng luận về ba nghĩa, ba sanh tô, bộ tuy là bốn giáo, nay đối nghiêng về Tiểu Thừa nói trọn vẹn sáu loại người pháp Trung đạo v.v... chưa khai mở quyền tích và lùi lại thảo luận v.v... do đó không có bốn thứ khác nhau. Bốn là bợ chín, tuy thông hiểu pháp Tiểu Thừa, nhưng chưa khai bày người Tiểu Thừa, giống như hai bộ trước chỉ nói về sáu ý. Năm là từ “Nếu theo v.v...” trở xuống là vị đề hồ có hai: Đầu tiên là Pháp Hoa chia làm hai: Thứ nhất nói về bộ làm sáng tỏ tám ý. Sáu tuy giống như trước nhưng chẳng có gì không khác với Tiểu thừa. Trước là Viên ngăn cách với Thiên, đây là khai Diệu của thô, vì vậy người - lý - giáo - hạnh đều hội về một thừa, quyền - thật - bốn - tích chỉ nổi bật ở tiêu chuẩn này. Nếu dựa theo tự - tha cho đến thiên - viên để nói về quyền - thật thì bộ trước chẳng phải không có. Nay vốn nói về điều ấy là thực thi quyền bỏ quyền bày thật, hội quyền về thật - phước quyền lập thật. Quyền thật này bộ khác quyết không có. Nếu bốn thứ Bốn tích về lý sự - lý giáo - giáo hạnh - thể dụng không riêng gì kinh này, thì các bộ có lẽ có. Nếu mảy trần kiếp trước lúc ban đầu thành Phật mà làm Thật Bốn, khoảng giữa và hôm nay thị hiện thành Phật đều là Quyền Tích. Đây gọi là quyền thật bốn tích. Bốn môn khai bày xong thân này chính là Bốn, Tích Môn đã nói và các bộ bàn luận, đều gọi là Tích, tên ấy bây giờ đã là Bốn Tích. Hai loại này các kinh đều có bàn luận, cho nên nói các giáo không nói đến Pháp Hoa mới nói ra. Từ “Ba đời v.v...” trở xuống nói về Hóa đầy đủ một thời kỳ.

Trong Chương Ngũ Phật trong phẩm Phương Tiện, đều trước thực hành phương tiện sau đó nói về chủng trí, phương tiện tức là bốn thời ba giáo, chủng trí là Pháp Hoa nhất thừa. Vậy thì biết chư Phật hóa độ chung quy ở kinh điển này, Đấng Minh - Ca-diếp sanh ra ở Tịnh độ, cho nên đến Pháp Hoa liền vào diệt độ. Hiện tại Phật Thích Ca xuất hiện ở cõi uế, cho nên nói về Niết-bàn để vì chuộc mạng. Từ “Nếu căn cứ v.v...” trở xuống là Niết-bàn có hai: Đầu tiên trình bày gồm thâu cơ hết. Từng bước hóa độ đến nay đi vào Pháp Hoa là hướng về phía trước đã dần dần, lại có người chưa nhập đời đến Niết-bàn - Pháp Hoa giống như lạnh lợi. Nhưng Pháp Hoa như đánh trận - Niết-bàn như tàn quân, Pháp Hoa là gạt hái - Niết-bàn là thu nhặt, công lao của Đại Hóa ở nơi Linh Thứu. Cơ còn lại chưa hết cho nên đến Song Lâm, hết sức dần dần đã mờ nhạt tám nghĩa Pháp Hoa, cần phải vì người này xoay vần nói về Phật tánh, cơ của một thế hệ rất ráo triệt để ở đây. Từ: Nếu luận v.v...” trở xuống nói ra pháp không gì sót lại, Niết-bàn đã gồm thâu độn cơ, cho nên bắt đầu cùng tận bốn tánh - rất ráo hiển bày cực quả, mười nghĩa chĩnh đốn đầy đủ, cho nên dùng tánh ba lần phát khởi hướng về tu ba loại, đã là tu tánh đều ba thì nhân quả không hai, cả hai chẳng phải duyên liễu, tức là Thể của chánh nhân Trung đạo. Nhưng chánh Thể này chắc chắn đầy đủ đức của song chiếu, cho nên đến tu thành tựu ba điểm Pháp thân. Lệ theo mà biết duyên liễu cũng đều đầy đủ ba tu đức, phải nói rằng ba điểm Bát-nhã, ba điểm Giải Thoát v.v... Nên biết văn này là thuận theo hai nghĩa người và pháp của đề kinh, cho nên lập ra mười Môn trước sau đều là hai, hai chính là không hai - Trung ở tại trong đó, số có thiếu hụt, đầy đủ mà pháp không hề thêm bớt. Vì thế Chỉ quán chép: “Thủ-lãng-nghiêm nêu riêng một pháp, mà đầy đủ tất cả các pháp cũng không giảm bớt, gọi là Bí mật tạng. Cho đến Niết-bàn ba pháp đầy đủ các pháp cũng không nhiều, cũng gọi là Bí mật tạng, vì các kinh đi đến duyên không đồng nhau”.

Từ “Đây trải qua năm vị v.v...” trở xuống là kết ý trong đây. Nói rằng trải qua năm vị này nói về thứ lớp mười pháp. Hỏi: Trước dựa theo quán nói về mười pháp, tự hành - hóa tha ban đầu cần phải kết thúc, thật sự thành tựu thứ lớp sanh khởi không lẫn lộn, nay trải qua năm vị, chỉ trình bày các bộ có đủ bao nhiêu pháp, sao gọi là thứ lớp sanh khởi vậy? Đáp: Trước dựa theo trong quán chính thức nói về thứ lớp tu chứng, nay dựa theo trong giáo mới có thể nói về Dụng và thứ lớp. Trình bày mười pháp đó tùy theo đối với vị của bộ và thứ lớp mang đến cơ, bốn vị ở trước chỉ ba, chỉ sáu, sau đến đề hồ đầy đủ tám, có đủ mười, chẳng lẽ

không phải Dụng và thứ lớp hay sao? Phải biết trước đây nói về thứ lớp quán pháp của các giáo, nay trình bày quán pháp tùy theo thứ lớp giáo, tuy chính là dựa theo Tu - dựa theo Dụng không như nhau, mà đều được gọi là thứ lớp mười pháp.

Từ “Căn cứ bốn giáo v.v...” trở xuống là bốn giáo, nói chung thì tùy Chân tùy Trung đều có mười cặp, nếu Luận riêng, thì ba tạng riêng dựa vào Bồ-tát, chỉ có ba cặp người pháp - Từ bi - Trí tuệ, vì chưa dứt hoặc cho nên không có nghĩa chân ứng v.v... đầy đủ như trước giới thiệu. Cũng như ở đây Thông giáo dựa vào Bồ-tát, mà có thể luận riêng về sáu cặp chân đế v.v... lấy Địa thứ bảy tiếp tục thệ nguyện giúp sự tu tập còn lại, thần thông thác sanh cả hai xoay vần hóa độ chúng sanh, có thể có nghĩa của Chân ứng - Dược Châu - Ấn Hiển. Nhị thừa không có điểm này, cho nên gọi là Biệt. Nếu Biệt giáo đó thực hành tùy thứ lớp, mà có thể căn cứ Trung đạo nói về sáu nghĩa, phàm ba, Thánh ba tướng đó có thể thấy. Trước Pháp Hoa viên cũng chỉ có sáu, bốn giáo Niết-bàn đều biết mười cặp. Nhưng dựa mà lập lại thấy đều tiến tới, trải qua năm vị trước đã hàm chứa giáo nghĩa, cho nên nói có thể hiểu. Từ “Cho nên biết v.v...” trở xuống là kết phần hai ý khen ngợi có hai: Đầu tiên kết thúc khen ngợi, quán luận mười nghĩa này thì nhân có nguyện hạnh, quả có năng lực, giáo luận mười nghĩa này thì luận pháp có trước sau, phủ che toàn bộ căn cơ lợi độn, cho nên người vâng chịu giáo tu quán chẳng ai không căn cứ vào đạo ấy, thương lượng sơ lược hãy còn tính toán. Dùng mười nghĩa này tính toán giáo quán một đời, gồm thấu chẳng gì không hết. Bao gồm cùng cực tu đức cho nên nói ý khí rộng xa, thấu suốt nguồn gốc tánh đức cho nên nói nghĩa vị sâu xa. Lại, ngang thì thấu nhận bốn giáo cho nên nói rộng xa, thụ thì thu nhiếp năm vị cho nên nói sâu xa, người pháp đến chân ứng trước sau của tự hành, dược châu đến bốn tích trước sau của hóa tha, duyên liễu và trí đoạn trước sau của tu tánh, ba nghĩa là thô - sáu nghĩa là tế, cho đến tám nghĩa hãy còn thô - mười nghĩa tế nhất. Đây chính là sơ lược mở rộng để giải thích về thô tế. Nếu dùng thô diệu giải thích thô tế, thì các vị thuần túy hay lẫn lộn có thể theo ý đạt được. Từ “Hỏi pháp v.v...” trở xuống là phân biệt, ý người hỏi: Trước Pháp Hoa nói riêng về Hoa Nghiêm - Phương Đẳng - Bát-nhã đều có sáu nghĩa, có ý gì khác hay không. Tuy hỏi ba vị mà sáu ý đồng khác. Trong trả lời đích thực đưa ra ba trong lục vị và Đề hồ tám. Vì trong năm vị căn cơ có lợi độn, người lợi căn từng phần từng phần được đi vào đề hồ, người độn căn tùy theo vị lần lượt xoay chuyển đổi thay, do đó sáu nghĩa trong Hoa Nghiêm, căn cơ của vua



Cao Sơn lập tức đi vào Địa Trú, cùng tử mê muội buồn rầu kiến tư hoàn toàn đang còn, ba tạng chỉ là Tiểu thừa cho nên không hiển bày được lợi ích to lớn ấy. Hoặc tám muôn chư thiên được vô sanh nhân, vì thế nói là bí mật rời chỗ ngồi. Người nhị thừa đang phá kiến tư, cho nên chỉ thành lạc. Sáu trong Phương Đẳng có khen có chê, người lợi căn nghe rồi khen liền được lợi ích trọn vẹn, người Tiểu thừa bị chê kín đáo đi vào thông môn. Sáu ý trong Bát Nhã đang sàng lọc, lợi căn nghe pháp không rốt ráo đạt được lợi ích bất cộng, Thanh-văn chuyển sanh giáo bí mật phá trần sa. Tám ý của Pháp hoa điều phục cơ đã thành thực, khai bày Quyền Môn kia liền chỉ ra thật lý, lại phế bỏ dấu vết gằn kề khiến cho thấy bốn thân, người độn căn đều đạt được nhất thừa - hàng lợi căn lại tăng thêm thánh đạo. Niết-bàn cùng vị cho nên lược bớt không nói, chỉ vì thu nhật đầy đủ nói về mười cặp, đối với cùng cực độn căn cũng được lợi thường. Vì vậy biết bốn vị tuy nói về viên đốn cơ ngộ sâu cạn, đến thời thứ năm ích lợi buông xuống không sai khác. Không vâng chịu sơn môn làm sao biết tướng của một đời hóa cơ nói giáo. Thứ ba là Giải thích, có ba: Một là sơ lược nêu ra. Hai là từ “Người tức cho đến” trở xuống, là mở rộng giải thích mười nghĩa: Thứ nhất là người pháp - chia ba: Đầu tiên lập ra đối tượng nói về Nhập tức là chủ thể trong Âm. Nói lược về bốn tên gọi, đó là ngã - nhân - chúng sanh - thọ giả, nói đầy đủ thì là mười sáu, tức là ở bốn thứ trên thêm vào mười hai loại của nó, gọi là mạng giả, sanh giả, dưỡng dục giả - chúng số giả tác giả, sử tác giả, khởi giả, sử khởi giả, thọ giả, sử thọ giả, tri giả, kiến giả. Nói giả danh là tự không có thật thể, nhưng mượn năm ấm hòa hợp mà thành, như nắm năm ngón tay giả danh là nắm tay, vậy thì nắm tay do ngón tay mà được - ngón tay chẳng phải nắm tay mà thành, nắm tay như đối với Nhân - ngón tay như đối với Pháp, năng thành là Thật- Sở thành là giả. Giả thật của điều này dựa vào giáo Đại - Tiểu giải thích về Thường - Vô thường. Tiểu thừa nói về người pháp rốt ráo là vô thường, Đại thừa giải thích giả thật rất rõ thường trụ, Như Tạng - Thông giáo, bắt đầu từ phạm địa đến Hữu dư Niết-bàn, đều có giả thật. Nếu đi vào Vô dư thì thân trí đã quên, người giả đâu có nương nhờ? Nếu Biệt - Viên giáo vào lúc ba hoặc hai tử hoàn toàn hết sạch, người và pháp thường trú tự tại. Người giả là chúng sanh tôn quý cùng cực - thật pháp gọi là thường trú năm ấm. Tóm lại, nếu nói hoặc không còn thì người pháp mãi mãi không có, ấy là Tiểu thừa cũng gọi là Quyền giáo. Nếu nói hoặc không còn mà người pháp không thể diệt, ấy là Đại thừa cũng gọi là Thật giáo. Bình thường nói Biệt - Viên - sơ - hậu biết thường, bởi vì biết người

pháp không thể hủy diệt dứt trừ. Tạng - Thông trái lại thế nên nói là không biết. Lại nên biết rằng tên gọi của giả nhân, thường thuận theo y, chánh thật pháp mà lập nên, như người thế gian xưng hô. Hoặc từ hình dung tướng mạo - hoặc từ đức hạnh sự nghiệp, tức là Chánh báo thật pháp lập nên tên gọi. Hoặc từ nơi chốn cư trú - hoặc từ nắm lấy tất cả, tức là y báo thật pháp lập nên tên gọi. Nay Quán Thế Âm là giả danh: Quán là quán trí - Thế Âm là cảnh, đây là chánh báo tự tha há chẳng phải thật pháp ư? Nhưng lấy tên gọi là Bồ-tát Quán Thế Âm, cho nên xếp vào người. Phổ môn đã là thừa của người này, cho nên xếp vào pháp. Nếu nói Phổ môn Pháp Vương Tử Quán Thế Âm, tức là phải lùi lại xếp phổ môn thuộc về người, Quán Âm thuộc về pháp. Bởi lẽ căn cứ vào phẩm này dùng quán trí nhìn người, vì thế cho nên giải thích nghĩa đều dùng trí tuệ mà đối với người. Phải biết Thế quán trí là thật pháp, đã dùng quán trí nhìn người, thì trong chín cặp Từ - Tuệ - Chân - Dực - Minh - Thật - Bổn - Liễu - Trí đều là pháp thật. Gọi là giả nhân, giờ đây biết rồi, giải thích xuống dưới các văn đều có thể nhìn thấy.

Từ “Người này v.v...” trở xuống là giải thích, có hai: Thứ nhất nêu chung chia làm hai: Đầu tiên nêu ra tất cả phàm thánh. Cho dù lậu - vô lậu - thiên - viên - nhân - quả, hơn kém không giống nhau, nhưng giả thật đó rất ráo không hề thiếu hụt. Từ “Nếu sắc v.v...” trở xuống là đều nói về giả thật, có hai: Đầu tiên là phàm, hèn hạ thường nói là phàm - tệ ác nói là bỉ, tức là lục đạo ngũ ấm chỉ thành con người sanh tử phần đoạn.

Từ “Giới định v.v...” trở xuống là Thánh, có hai: Đầu tiên nêu ra tướng, đã thay đổi phàm trở thành Thánh tức là chuyển ngũ ấm thành năm phần. Ba thừa bốn giáo tuy quyền thật khác nhau, nhưng đều có thể chuyển ấm mà trở thành pháp thân, tùy theo địa vị nắm lấy pháp thành tựu giả nhân. Từ “Cho nên Đại luận nói v.v...” trở xuống là dẫn chứng: Cùng cực địa vị Diệu Giác - hai chấp người pháp rất ráo không còn chỗ nơi, một ngàn giả danh đều thành tựu bốn đức, gọi là Vô thượng chúng sanh, dựa vào hai ngàn ấm mỗi mỗi bốn đức, gọi là Vô thượng thật pháp, do đó Thiên - Tiểu và nhân vị tròn đầy, chẳng qua là bốn tánh người pháp Vô thượng, nhưng hai chấp chưa hết, nên tu đó có thể không gọi là Vô thượng. Hai là “Tuy Không v.v...” trở xuống là dựa theo giải thích, có hai: Đầu tiên là Phàm - Thiện ác làm nhân - người pháp là quả, tất cả nói về ba phẩm đây là dựa theo chung để nêu ra, trong đó biệt nghiệp thay nhau cảm lấy quả chẳng phải toán số có thể đạt tới.

Từ “Bậc Thánh v.v...” trở xuống là Thánh: Tánh đức người pháp chẳng hề thay đổi, chỉ vì tùy cơ giáo môn nêu ra quán, trở nên có Tiểu - Đại - Cọng - Bất cọng khác nhau, cho nên ở trong Thánh phân biệt tướng đó. Trước là Tiểu, có ba: Thứ nhất dựa vào Hữu Môn để giải thích, tức là người pháp quán trong Tỳ-đàm vậy. Nói nhân không - pháp bất không ấy là chẳng phải hoàn toàn không phá bỏ thật pháp, bởi quán hạnh của môn này, lúc phá bỏ giả nhân mà chưa phá bỏ ngũ ấm, tạm thời nói là bất không. Dùng hai không này quán sát trước sau, nhưng tướng trước sau hai đường không như nhau. Nếu quán giả nhân như sừng thỏ hoặc rơi rụng kiến đế liền ở Tu đạo quán sát ấm là vô thường, phá trừ tư hoặc kia. Nếu chấp của người đó tuy bị xua đuổi đến cùng, nhưng kiến hoặc không phá mà lại vượt qua đi vào trong thật pháp đối với ấm sanh ra kiến, tức là phải quán sát ấm vô thường vô ngã. Phá trừ kiến hoặc này, cho nên pháp không, quán sát hai hoặc năng phá, chính là đối với từng đoạn từng đoạn đều có người pháp. Nếu kiến hoặc chưa điều phục tức là người pháp hữu lậu, có thể điều phục kiến hoặc đó tức là người pháp phương tiện, phát chân dứt kết và sanh khởi hữu dư, đều là người pháp vô lậu. Nhưng trong giáo Tiểu thừa không nói đến sanh xứ, nay dựa theo vượt qua giai đoạn cho nên sanh ra ngoài cõi giới. Như Đại luận chép: “Vượt ngoài ba cõi có cõi nước thanh tịnh, Thanh-văn - Duyên-giác sinh ra trong đó, bởi vì Đại thừa nói thân trí không diệt mất, nghiệp vô lậu liên quan sanh ra ngũ ấm kia”. Từ “Nếu không v.v...” trở xuống là dựa vào Không Môn để giải thích, tức là quán Nhị không trong Thành Thật. Thu nhận ấm trở thành người không giống như Hữu Môn câu ngã trong ấm. Ba giả phù phiếm hư huyền mà lại khác với thật pháp sanh diệt, con người đã thu nhận ấm mà có quán sát mới có thể ngay nơi pháp quán sát con người, từ đầu đến cuối giả thật đều phá bỏ. Nói ba giả: Gọi là Nhân thành - tương tục - tương đãi, tên gọi không khác mà nghĩa Đại thừa trở về tiểu thừa. Đại thừa quán ba giả, sanh tức là chẳng sanh lại cũng không diệt. Nay quán ba giả nhân duyên hòa hợp thể tánh không bền chắc, Đại thừa quán như hoa đốm trong hư không, quán đây như khói mây. Từ quán sát-này cho nên thông hiểu đi vào đạo bình đẳng của chân không. Từ “Ngoài ra, hai v.v...” trở xuống là hai môn cũng theo trên để giải thích. Môn vừa có vừa không tức là điều được nói của Luận Côn Lặc. Môn chẳng phải có chẳng phải không chưa biết luận nào. Có người nói: Độc Tử A-tỳ-đàm rõ ý môn này, mà chưa có thể chắc chắn sử dụng. Nhưng giả nhân không có bốn môn là giống nhau, chỉ nói về thật pháp thì bốn tướng có sai khác. Nếu Tỳ-đàm

trình bày phân tích sắc còn ở nơi gần cạnh hư huyền, thành thật phân tích sắc phá đổ ở nơi gần cạnh hư huyền, Côn Lặc giải thích sắc vừa có vừa không. Thứ tư ý môn ví dụ thuận theo cùng bỏ đi. Nhưng bốn môn này giải thích pháp tuy khác, mà đế lý là một. Nếu không đạt được ý bốn môn thì trở thành tranh cãi, cho nên Đại Luận nói: “Nếu không đạt được Bát-nhã phương tiện, đi vào A-tỳ-đàm liền rơi vào trong đó, đi vào Không môn thì rơi vào trong không”. Còn Đại sư nói: “Kể ra còn gần cạnh hư huyền - luận phá bỏ gần cạnh hư huyền, điều này cùng với tà không có làm nhau v.v...” Nếu đạt được ý: Sắc hoặc thô hay là tế, quán sát tóm lại là vô thường vô ngã, phá bỏ kiến ái được đi vào Không bình đẳng, cả hai cũng, cả hai chẳng phải nói tương tự Trung đạo, lý chỉ ở không, nhưng có thể ung dung hội nhập lý không, từng đoạn từng đoạn, người pháp theo như trước có thể biết.

Từ “Ma-ha v.v...” trở xuống là khai triển, có ba: Thứ nhất nói về thể “Không” thông suốt ba giáo. Chẳng nói người pháp không - bất không là, khác với Tỳ-đàm kia lúc quán nhân không, chưa phá thật pháp. Không nói Thể có giả dụng ấy là, khác với Thành thật kia thu nhận thể thật pháp trở thành dụng của giả nhân. Chỉ quán người pháp vốn tự không sanh nay cũng không diệt, sắc là đầu tiên của ngũ ấm - ngã là thứ nhất của mười sáu loại, do đó tất cả nêu lên một, theo đó người pháp còn lại tức là không cho nên nói là Như. Quán sát hai không này bắt đầu là nhân rất ráo là quả. Hoặc là người, hoặc pháp - không sanh, không diệt gọi là Niết-bàn, thường tu quán này để thực hành chánh đạo. Nên biết rằng Đại phẩm nói về nghĩa “Không” hàm chứa sâu cạn thế nào? Nếu người độn căn nói chỉ là “Có trống rỗng”, tức là đi vào “Thiên Không” chứng được lý Thông đó. Nếu người lợi căn hề nghe đối với “Không” biết hai bên “Không”, gọi là nhìn thấy “Không” ở giữa thuộc về hai giáo sau. Lại, “Không” ở giữa này lại chia ra hai loại, xa lìa giới hạn mà hiểu đây là lý Biệt, ngay nơi giới hạn mà hiểu là thuộc về lý Viên. Như-lai trí tuệ phương tiện, khéo léo nói về “Không”, thường phủ kín ba căn đoạn - chứng không giống nhau. Lại nữa, nên biết rằng nghĩa không của kinh ấy tuy thông suốt ba giáo, mà người pháp này chẳng phải hai loại trước, chỉ sử dụng không ngay nơi giới hạn rất ráo, hết sạch hai chấp đó thì thành giả thật trọn vẹn. Nếu không như vậy thì chẳng phải người pháp nay. Hai từ “Dùng quán v.v...” trở xuống nói về duyên, liễu Thông - Biệt - Viên: Trước đây trình bày hai Không mà chưa nói về duyên liễu, ý tuy ở người Viên nhưng Thông có phần, nay dựa theo hai Không trình bày hai Phật tánh, cho

nên ở tại Viên - Biệt không liên quan đến Thông Môn. Nay văn đã lấy quán người pháp không, trình bày hai thứ nhân, một nói đối với không cần phải phân ra hai loại; nếu quán rốt ráo không thì ở nơi người pháp hiển bày trọn vẹn hai nhân, nếu quán thứ đệ không đối với người pháp tức là hai nhân riêng biệt. Văn dùng người pháp Vô thượng làm hạt giống duyên liễu, cũng cần phải hết sức tách biệt, trăm cõi giới giả thật là Phật - Niết-bàn đây là Viên quán. Nếu chỉ có cõi Phật cho nên thuộc về Biệt. Ý văn ở tại người Viên - Biệt có phần. Giải thích điều này chia làm hai: thứ nhất trong liễu nhân, lấy quán người không chính là hạt giống liễu nhân. Quán không của Đại thừa là gột rửa tính hiển bày đức, nay kinh đã dùng trí tuệ nhìn người, cho nên người chấp không thì người trí hiển bày, hướng chi quán bốn không chính là hiển bày bốn trí, bốn trí tức là tánh đức liễu nhân. Do đó dẫn ra văn nói về quả Phật làm chứng cứ, thì nhân quả không hai - tu tánh nhất như. Vì vậy biết văn hiện tại chính là nói về Viên quán. Nói ban đầu giác ngộ người không - rốt ráo giác ngộ pháp không: Người là giác trí, không chỉ tự không đối với chấp người, lại có thể không đối với pháp chấp. Tuy nói trước sau chẳng phải thứ lớp quán, mà đây là căn cứ vào đại thừa quán hai không tánh tướng, phá hai chấp sanh pháp, hiển bày hai đế chân tục, quán tuy không thể thứ lớp mà nói có trước sau vậy. Như Đại Bản Sớ chép: “Chân đế tức là pháp không - tục đế tức là sanh không, tục là giả - chân là thật”. Phụ Hạnh nói: “Nếu chấp tánh có là Thế mà chẳng phải đế, phá tánh chấp của mình mới có thể gọi là Thế đế, cho nên nói Thế đế phá tánh. Tánh chấp phá rồi chỉ có tên gọi, tên gọi là giả - giả tức là tướng, vì tướng không cho nên quán đối với pháp tánh. Quán lý chứng chân gọi là chân đế phá tướng, không chẳng phải trước sau mà hai đế cùng lúc. Bởi vì giải thích tánh tướng trước sau mà nói. Hãy suy nghĩ và suy nghĩ! Không thấy ý này chỉ uổng gọi là “Tức không”. (Trích từ Phụ hạnh). Đây là nói về giác trí trong một niệm, chấp người pháp không - nghĩa có trước sau, đừng mê muội lời này mà xếp vào Biệt, như khi nói không làm, tức là nghĩa này. Hai là trong Duyên nhân quán pháp không tức là hạt giống duyên nhân: Căn cứ vào giác trí cho nên pháp chấp đã mất - ngã ấm thanh tịnh, chính là dùng ấm thanh tịnh mà làm duyên nhân, hơn nữa liễu vốn không chính là ấm vốn tịnh, ấm vốn thanh tịnh gọi là hạt giống tánh duyên. Vì thế dẫn ra cực quả pháp không của Đại Luận - Đại kinh, và nhân chân pháp không của Đại phẩm, để nói lên tướng duyên nhân. Nên biết rằng nhân chân, quả tột cùng đã viên dung mười cõi, thì ngũ ấm trăm cõi đều là pháp vô thượng, thu nhận các pháp này gọi đó là

Phật. Nếu nói theo ba ngàn, thì một ngàn chúng sanh đều là giả danh của Phật, hai ngàn ấm - độ đều là thật pháp của Phật. Vì vậy ngài Kinh Khê nói: “Quả ba ngàn thành tựu đều gọi là thường lạc. Lại nói: “Một Đức Phật thành đạo thì pháp giới chẳng nơi nào không phải y chánh của Đức Phật này, tu đức đã như vậy thì tánh đức vốn như thế”.

Hỏi: Duyên liễu trong văn cùng nói là chủng, nghĩa đó có sai không?

Đáp: Nói là chủng, tất cả có hai nghĩa, một là đối địch nói về chủng, như ba đạo là ba loại đức, hai là tương tự ví dụ nói về chủng, như duyên liễu là hạt giống trí đoạn, tánh đức pháp thân làm hạt giống tu đức pháp thân. Hai loại này đều lấy nghĩa năng sanh. Nếu lấy hai không làm hạt giống thì nghĩa tương tự ví dụ. Nếu dùng hai chấp làm hạt giống tức là nghĩa đối địch. Nay văn đã nói quán người pháp không tức là hạt giống duyên liễu, là tương tự chẳng phải đối địch. Nếu dựa vào giác trí quán sát hai không, làm hạt giống hai nhân, thì chọn lấy tu hai tương tự đối với quả có hai. Nếu ngay nơi tánh đức vốn tự hai không làm hạt giống hai nhân, thì chọn lấy lý thanh tịnh tương tự đối với bản thân mình thanh tịnh. Do đó luận trọn vẹn về tánh - chủng có đối địch có tương tự. Biệt giáo không có hạt giống đối địch nên người học xem xét suy nghĩ. Viên giáo trái với điều đó, người học hãy suy nghĩ. Từ “Vì quán v.v...” trở xuống là nói về hai nghĩa tức, lia chỉ riêng viên đốn, có hai: Đầu tiên dựa theo sáu pháp nêu ra ba nhân, chia làm hai: Thứ nhất là dẫn ra kinh nêu rõ tức ly chúng sanh Phật tánh ấy là ba nhân tánh đức. Sáu pháp là ngũ ấm và thần ngã. Đây là bởi vì bốn giác thường vắng lặng - thường soi chiếu - thường chẳng phải vắng lặng soi chiếu, vắng lặng là duyên nhân, soi chiếu là liễu nhân, cả hai chẳng phải chánh nhân. Ba nhân này đối với sáu pháp không tức không lia, chính là sáu pháp bất sanh bất diệt không thể nghĩ bàn. Lập Môn đã tuyệt diệu, do đó tách biệt sơ tâm không có thể tạo ra các đường. Từ “Bất tức v.v...” trở xuống là y theo lý nói về Tức ly. Chánh nhân bất tức: Chánh chẳng phải lặng chiếu cho nên không tức tất cả. Lúc mê thì bất tức Ngã - ấm - nhân - pháp, lúc hiểu rõ thì không tức liễu duyên. Vì trước sau không biến chuyển thay đổi. Duyên liễu bất ly: Hai nhân tánh đức đã thích hợp mà vắng lặng mà soi chiếu. Vắng lặng là thật pháp trăm cõi - soi chiếu là giả nhân trăm cõi. Giả thật này có thể mê muội có thể hiểu rõ, mê muội cho nên nêu ra Thể mà làm giả thật một cõi giới, tức là chẳng phải hạn cuộc mà lại hạn cuộc, vì thế cho nên hai nhân không xa lia sáu pháp. Nếu chính là mê muội trở thành hiểu rõ chuyển thành duyên liễu trong tu, phá bỏ hai

chấp hiển bày giả thật trăm cõi giới vốn vắng lặng chiếu soi, gọi là hai không, tức là chẳng khắp mà khắp. Do đó nói không xa lìa chúng sanh không, mà có liễu nhân, không xa lìa ấm không mà có duyên nhân. Kết thúc nói không xa lìa sáu pháp: Không động ngã ấm mà thành hai không. Chỉ một giác tánh đầy đủ ba thứ đức, gọi là ba nhân - ngay nơi ba mà một - ngay nơi một mà ba, chẳng phải một chẳng phải khác - không dọc không ngang, muốn sáng tỏ bí tạng thì bật dứt đối với suy tư nói năng, vì thế đối với sáu pháp nói chẳng phải Tức ly. Người thấy trong văn nói chánh nhân bất tức - duyên liễu bất ly, không thấu đạt diệu chỉ thì phân biệt đối đãi mà thôi. Phải biết rằng một vương - một số - một căn - một cảnh, tùy theo mê muội - tùy theo hiểu rõ từ nhân đến quả, chỉ hướng về nêu lên một đều gọi là Phật tánh, không thể nói là đúng - không thể nói là sai. Cho nên nói không tức sáu pháp - không lìa sáu pháp, cũng gọi là một niệm tức không - Giả - Trung. Trung cho nên không chính là - không Giả cho nên không xa lìa, nghĩa chẳng phải khác đường, vì vậy quán này chỉ thuộc về Viên giáo.

Từ “Phật từ v.v...” trở xuống là dựa theo ba tánh nói về phần chứng. Nói Phật từ v.v... là, muốn đối với Quán Âm nói về phần Mãn. Phật đối với ba tánh sáu tức rất ráo đầy đủ. Vì sơ tâm thường dùng ba quán quán sát sáu pháp. Cần phải biết rằng ba tánh chính là ba đức ba quán trong tánh.

Lúc đầu phát tâm cần phải đối với ba tánh khởi lên ba tu. Sáu vị tuy khác nhau mà tánh không tách biệt, vậy thì sáu tức là người pháp Vô thượng, cho nên xuống dưới kết thúc nói: Hai lần hỏi đáp là phân biệt giải thích về người pháp Vô thượng. Từ “Một trước v.v...” trở xuống là văn kết thúc, có hai:

Thứ nhất kết thúc chỉ ra văn kinh. Từ “Nên biết v.v...” trở xuống là kết thúc quy về đề mục có thể thấy.

Hai là Từ bi, có ba: Đầu tiên là nêu ra. Hai từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống là giải thích, chia làm hai: Thứ nhất dựa theo bốn thệ nguyện nói về công lao, có hai: Trước nói phải thệ nguyện, chia là ba: Một là phải thệ nguyện ý. Nói từ bi hoằng thệ: Đơn giản đối với phàm phu tiểu thừa không thệ nguyện từ bi, nói lên Bồ-tát này có thệ nguyện từ bi. Hai là từ “Thí như v.v...” trở xuống là nêu lên thí dụ biểu hiện, từ bi gồm thân chúng sanh như điều tiết công xương hợp lại, không thệ nguyện keo sơn thì dứt trừ và ban cho không lâu dài. Ba là từ “Thệ nguyện v.v...” trở xuống là văn bản thí dụ kết thúc.

Từ “Bi tâm v.v...” trở xuống là bày tỏ vận tâm, có hai: Một là hai

thệ nguyện nói về Bi, nay đã thông suốt chỉ ra thế gian nói bao gồm hai lời, về ba cõi, xuất thế gian sau đó cũng với ví dụ này. Hai từ “Vì từ v.v...” trở xuống là hai thệ nguyện nói về Từ. Trước trong bát khổ - quả nặng mà nhân nhẹ, cho nên trước dứt trừ cái nặng. Nay trong cho vui- nhân hiển rõ mà quả bí mật, cho nên trước ban cho hiển rõ. Đây là tâm lợi ích chúng sanh của Bồ-tát, thì khác với biết khổ - đoạn tập - ưa thích quả - tu nhân Thanh-văn. Nếu trong Anh Lạc trình bày bốn thệ: “Chưa vượt qua khổ để khiến cho vượt qua khổ để, chưa hiểu rõ tập để khiến cho hiểu rõ tập để, chưa yên ổn đạo để khiến cho yên ổn đạo để, chưa đạt được diệt để khiến cho đạt được diệt để”. Bốn thệ của kinh đó đã lập đều là lợi tha, nay văn đã nói ra ba thông suốt tự hành, nên biết rằng nói có tự tha ý chắc chắn đầy đủ cả hai. Hai là từ “Nhưng trước v.v...” trở xuống dựa theo bốn giáo biệt giải rộng về tướng. Vì lập thệ đó thì phải nương vào bốn đế. Nếu không nương theo đế thì gọi là cuồng nguyện, vì sao? Vì bốn đã gọi là đế, thì có thể xem xét thật đế tướng của mê muội hiểu rõ - ranh giới của đau khổ vui sướng. Dựa vào đây phát khởi thệ mới có lý của dứt trừ đau khổ ban cho niềm vui. Nếu đối với pháp không thể tử tử (đế), chỉ có phát khởi tâm ban cho cứu giúp, rốt ráo trở thành nguyện nguyện cuồng giận đơn.

Ở đây có hai: Thứ nhất ví dụ khoa trước. Hai từ “Nếu ba v.v...” trở xuống trình bày bốn giáo dựa vào đế lập thệ. Cần phải biết rằng quyền thật đều có sự lý, cho nên dùng bốn giáo trình bày so với đế tướng sanh diệt - vô sanh - vô lượng - vô tác, đều nói Bồ-tát nương vào phát khởi thệ. Đầu tiên ba tạng giáo này là đối với người nặng về mê muội chân, nói hai nhân quả thế gian và xuất thế gian, không thể chính là chân lý cho nên sanh diệt lẫn nhau. Bồ-tát quán điều này khởi thệ nguyện “hữu tác”, có chúng sanh đáng độ - có hoặc nghiệp đáng đoạn, có pháp đáng biết rõ - có Phật đáng thành tựu, bốn lời thệ đều là hữu tác khiến cho như vậy.

Hỏi: Ba tạng giáo nói về diệt chẳng phải chân đế, nay văn dựa vào diệt, phát khởi lời thệ thứ tư, sao nói lý chân đế vô vi sai ư?

Đáp: Thể của diệt đế là hai Niết-bàn, tuy chẳng phải chân đế mà có thể sâu xa đối với lý, cho nên nói nhân diệt hội chân. Đạo là diệt nhân khổ tập trái với lý, Phật đã khế hợp với chân, cho nên thành Phật thệ quán chân mà phát khởi. Từ “Lại nữa v.v...” trở xuống là Thông giáo, vốn dứt trừ vốn ban cho hai nhân hai quả trên đại thể giống như giáo trước, chỉ vì cơ được che phủ của giáo này mê chân nhẹ nhàng cho nên sự đều chính là lý. Bốn đế hoàn toàn như huyễn không sanh không



diệt, đó gọi là khổ không có tướng ép ngặt, tập không có tướng hòa hợp, đạo không có hai tướng, diệt không có tướng diệt. Quán bốn đế này mà khởi lên bốn lời thệ, đế đã như không thì thệ cũng như huyền. Nói nếu có một pháp vượt hơn Niết-bàn v.v... Đại luận quyển năm mươi trước đó dẫn kinh rằng: “Tâm các Thiên tử nghĩ rằng: Tùy theo hạng người như thế nào lắng nghe những gì Tu-bồ-đề nói ra? Tu-bồ-đề biết ngôn ngữ trong tâm niệm các Thiên tử. Người như huyền nghe pháp vô thính - vô văn - vô tri - vô chứng”. Cho đến nói “Phật cũng như huyền hóa - Pháp Niết-bàn cũng như huyền hóa”. Luận giải thích rằng: “Trong tất cả chúng sanh Phật là bậc nhất, trong tất cả các pháp Niết-bàn là bậc nhất, nghe hai sự việc như huyền này, kinh ngạc và nghi ngờ nói rằng. Tu-bồ-đề nói sai làm người nghe lầm lẫn. Vì thế cho nên lại hỏi Tu-bồ-đề. Tu-bồ-đề nói: Vì hai pháp đều từ vọng pháp mà sanh ra, pháp thuộc về nhân duyên không có quy định thật sự. Tu-bồ-đề suy nghĩ điều này: Nếu khiến cho có pháp vượt hơn Niết-bàn, có thể khiến cho như huyền hưởng chi là Niết-bàn”.

Ba là Biệt giáo: Giáo này vì người mê nặng về Trung đạo, tuy nói về quả vô tác - mà không thông nhân, do đó ban đầu phát tâm chỉ dựa vào vô lượng, vốn giải thích về pháp của sum la muôn tượng, đều vì mê muội đối với tạng tánh Như-lai mà phát khởi. Nhưng tạng tánh này tuy không có đủ chín loại, mà có thể tùy duyên biến đổi tạo ra các pháp. Tánh tùy theo duyên nhiễm thì khởi lên khổ tập vô lượng của thế gian. Tánh tùy theo tịnh duyên thì khởi lên đạo diệt vô lượng của xuất thế gian. Cho nên trong Diệu huyền nói về Biệt giáo Như-lai tạng rằng: Gọi là Diệu Hữu, vì tất cả các pháp mà làm Y trì, từ Diệu Hữu này sinh ra các pháp, nhưng từ khổ tập chắc chắn có thể làm ngăn cách, cho nên phải phân biệt duyên đạo diệt phù hợp mà vượt qua. Trước dùng bốn đế sanh diệt điều phục đối với tất cả các hoặc. Kế đến dùng bốn đế vô sanh dứt trừ đối với kiến ái. Khoảng giữa dùng bốn đế vô lượng phá trừ trần sa. Sau cuối dùng bốn đế vô tác dứt trừ vô minh. Bốn thứ Bốn đế này trong Biệt giáo, đều gọi là vô lượng, cho nên nói: Duyên trong ngoài giới - nhân quả khổ tập - bốn đế vô lượng mà thành lập nguyện. Vì sao như vậy? Vì biết tất cả nguồn gốc của mê muội và hiểu rõ, đều là Phật tánh, tánh vô lượng cho nên để gọi là vô lượng, giáo trước không như vậy cho nên không được gọi tên. Viên giáo tuy có nghĩa vô lượng, cả ba đều chính là thật cho nên nói vô tác.

Bốn là Viên giáo, có hai: Đầu tiên chỉ ra bốn thệ, có hai: Thứ nhất nói về tướng thệ: Pháp giới tức là mười pháp giới. Viên dung là luận

chung trăm cõi - nói riêng thì ba ngàn đã là y chánh của chúng sanh - Phật thì đầy đủ lẫn nhau khắp nơi lẫn nhau, cho nên nói là viên dung. Nói không phải trái v.v... là Dùng tánh quyết định tu - ngàn pháp đều là tánh đâu có tu, không thể mất; Tỳ kheo phá giới không vào địa ngục, hành giả thanh tịnh không vào Niết-bàn, đâu chỉ riêng địa ngục - Niết-bàn chính là tánh ư? Hoặc cũng là phá giới - tịnh hạnh chẳng phải tu, chẳng phải trái- chẳng phải thuận mất đi khổ diệt, chẳng phải tối - chẳng phải sáng mất đi tập đạo. Vì vô minh tối tăm thì trái với các loại: Trên chỉ ra toàn tu chính là tánh vì thế cho nên đều không phải. Nay nói về toàn tánh phát khởi tu vì thế cho nên đều tồn tại. Kinh Khê nói: “Tánh không hề thay đổi - tu thường rõ ràng như vậy, đã quán không trái mà trái, cho nên khởi lên Bi nguyện dứt trừ hai nỗi khổ đó; đã quán chẳng phải thuận mà thuận, cho nên phát khởi từ nguyện ban cho hai niềm vui đó. Do biết pháp giới viên dung, cho nên chẳng phải trái thuận, cũng do pháp giới viên dung, cho nên có trái thuận. Có trái thuận nên phát khởi thế, chẳng trái thuận nên vô duyên”. Từ “Thí như v.v...” trở xuống nói về vô duyên, có hai: Thứ nhất là dụ, không đạt được ý trước thì dụ này không hiểu. Từ “Nay đây v.v...” trở xuống là pháp, chính là dùng ba Từ phân duyên và vô duyên. Nếu dựa vào sanh pháp thì duyên có không, nếu tâm chính là trung mới bật dứt niệm duyên. Vì bật dứt niệm. Mới có thể rộng khắp pháp giới tùy ý vận dụng ban cho hay cứu giúp. Phẩm Phạm Hạnh thứ mười bốn trong Đại kinh ban đầu nói: “Từ có ba loại: 1. Duyên chúng sanh. 2. Duyên vào pháp. 3. Vô duyên. Duyên chúng sanh là duyên với tất cả chúng sanh nghĩ rằng như cha mẹ mình. Duyên vào pháp là thấy tất cả các pháp đều từ duyên sanh ra. Vô duyên là không trụ vào tướng pháp và tướng chúng sanh”. Đại Luận hai mươi cũng nói: “Từ có ba loại: Chúng sanh duyên - nghĩa là duyên với vô lượng người oán, thân, và không oán, thân ở mười phương. Pháp duyên - nghĩa là duyên với La-hán - Bích Chi Phật vô lậu và chư Phật bậc Thánh, phá bỏ tướng ngã của mình, chỉ quán bốn duyên không - năm chúng pháp. Vô duyên là không trụ vào có không, chỉ riêng chư Phật có. Ở đây giống với ý văn Niết-bàn nên đại khái đồng nhau”. Còn Đại Luận thứ năm nói về Bi cũng có ba loại như chúng sanh v.v... cho nên biết dùng ba từ bi để đối với ba đế, nghĩa rất rõ ràng. Nay thuận theo luận nói hơn hẳn chỉ nói vô duyên. Nếu đạt được vô duyên thì chắc chắn đầy đủ sanh pháp. Từ “Bồ-tát v.v...” trở xuống nói về sáu tức, đều do lý đầy đủ mới có Sự dụng. Nay toàn bộ lý Từ khởi lên năm tu đức, mà Quán Thế Âm chưa đạt đến rốt ráo vẫn còn ở phần chân. Muốn làm cho chúng sanh biết lý

---

từ bi tu thành tựu năm tức, cho nên dấy lên hai câu hỏi để sinh ra hai câu trả lời, chày thốt đập vào nhau là các đồ dùng thuần phác mộc mạc. Từ “Nếu trước v.v...” trở xuống là kết thúc trở về, có hai: Thứ nhất là kết thúc chỉ ra văn kinh. Hai từ “Cho nên, biết v.v...” trở xuống là kết thúc trở về đề mục, có thể hiểu rõ.

